

Số: 01/2025/QĐST-DS

Sơn La, ngày 10 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc Yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - SƠN LA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Anh Đức.

Thư ký phiên họp: Bà Phan Thị Hương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Sơn La tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Sơn La mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2025/TLST-VDS ngày 05 tháng 8 năm 2025 về việc: Yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên họp số 01/2025/QĐ-HNGĐ ngày 29/8/2025 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Trần Thị T - sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn HT, xã CL, tỉnh LC, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Văn Q - sinh năm 1994, địa chỉ: Bản YT, xã MC, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã MC, tỉnh Sơn La: Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Ngọc L - Chủ tịch UBND xã MC, tỉnh Sơn La; Người đại diện theo uỷ quyền ông Hà Văn H Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã MC, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật và tại phiên họp giải quyết việc dân sự chị Trần Thị T trình bày:

Tôi Trần Thị T kết hôn với anh Trần Văn Q trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2011 tại UBND xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (nay là xã MC, tỉnh Sơn La). Quá trình chung sống vợ, chồng hòa thuận, hạnh phúc và có 01 người con chung là cháu Trần Diệu B, sinh ngày 11/01/2013, hiện nay cháu Trần Diệu B đang sống cùng với chị Trần Thị T.

Ngày 06/12/2011 tôi Trần Thị T và anh Trần Văn Q có đến Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (nay là xã MC, tỉnh Sơn La) nộp tờ khai đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 73/2011 ngày 06/12/2011. Khi đăng ký kết hôn anh Trần Văn Q 17 tuổi 05 tháng 26 ngày (chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn) theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Chị Trần Thị T yêu cầu Tòa án huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Trần Văn Q.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn Q trình bày: Ngày 06/12/2011 anh và chị Trần Thị T có đến Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (nay là xã MC, tỉnh Sơn La) để thực hiện việc đăng ký kết hôn. Việc đăng ký kết hôn lúc anh Trần Văn Q chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung cháu Trần Diệu B, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2013 hiện nay cháu đang sống cùng với chị Trần Thị T; địa chỉ: Thôn HT, xã CL, tỉnh LC anh nhất trí để chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung và tài sản riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Trần Thị T có đơn yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị Trần Thị T, anh cũng hoàn toàn nhất trí với yêu cầu trong việc dân sự này và không có yêu cầu nào khác.

Ủy ban nhân dân xã MC, tỉnh Sơn La trình bày: Ngày 06/12/2011 có 02 công dân là anh Trần Văn Q; sinh ngày 10/6/1994; Địa chỉ: Bản YT, xã MC, tỉnh Sơn La và chị Trần Thị T; sinh ngày 25/3/1993; Địa chỉ: Thôn HT, xã CL, tỉnh LC có đến UBND xã TL, huyện Phù Yên tỉnh Sơn La (nay là xã MC) xin đăng ký kết hôn. Qua kiểm tra hồ sơ gốc, sổ theo dõi thì anh Trần Văn Q đăng ký kết hôn lúc 17 tuổi 05 tháng 26 ngày (chưa đủ tuổi kết hôn), sau khi rà soát UBND xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (nay là xã MC, tỉnh Sơn La) đã giải thích, động viên để hai công dân có tên trên đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền yêu cầu Tòa án công nhận hôn nhân, tuy nhiên do mâu thuẫn của vợ chồng trầm trọng, đã sống ly thân nên chị Trần Thị T yêu cầu Tòa án huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Trần Văn Q. Ủy ban nhân dân xã MC, tỉnh Sơn La đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Sơn La phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Đây là việc dân sự yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết việc dân sự cũng như tại phiên họp Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 149, Điều 371, 372 BLTTDS; Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 2, điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Trần Thị T và anh Trần Văn Q.

Về con chung: Giao cháu Trần Diệu B, sinh ngày 11/01/2013 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành và có khả năng lao động. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Văn Q, do chị Trần Diệu T chưa có yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Tự thỏa thuận, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Sơn La tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La nhận định.

[1] Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, chị Trần Thị T yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu của ông Trần Văn Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

[2] Về nội dung yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, lời khai tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì chị Trần Thị T và anh Trần Văn Q kết hôn với nhau năm ngày 06/12/2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (nay là xã MC, tỉnh Sơn La). Quá trình chung sống hạnh phúc có 01 con chung là cháu Trần Diệu B, sinh ngày 11/01/2013.

Về điều kiện kết hôn: Anh Trần Văn Q chưa đủ điều kiện để kết hôn, căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao- Viện kiểm sát nhân dân tối cao- Bộ tư pháp Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc kết hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Văn Q vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại Luật hôn nhân & gia đình. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Trần Thị T và anh Trần Văn Q đã được đăng ký kết hôn số 73/2011 ngày 06/12/2011 vào sổ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (nay là xã MC, tỉnh Sơn La).

Về con chung: Căn cứ Điều 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Trần Thị T và anh Trần Văn Q đều thống nhất giao cháu: cháu Trần Diệu B, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2013 cho chị Trần Thị T; địa chỉ: Thôn HT, xã CL, tỉnh LC được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Văn Q, do chị Trần Diệu T chưa có yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Tự thỏa thuận, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về ý kiến tham gia của Kiểm sát viên tham gia tại phiên họp về việc giải quyết việc dân sự là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 149, Điều 367, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Căn cứ Điều 59, 81, 82, 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 2; điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao- Viện kiểm sát nhân dân tối cao- Bộ tư pháp Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án.

1. Về yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Trần Thị T. Huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Trần Thị T và anh Trần Văn Q được đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 73/2011 ngày 06/12/2011, của Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (nay là xã MC, tỉnh Sơn La).

Về con chung: Giao cháu Trần Diệu B, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2013 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Văn Q do chị Trần Thị T chưa yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Tự thỏa thuận, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí toà án: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự được trừ vào số tiền đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số BLTU/25E/0000152 ngày 05/8/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND khu vực 5 – Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP**

Nguyễn Anh Đức